

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 - CV/PC3HP.Co-NV

Đăk Nông, ngày 28 tháng 03 năm 2018

“V/v: Công bố thông tin”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch CK TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Sơn

Địa chỉ: Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại di động: 0935 334 555; Điện thoại cố định: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

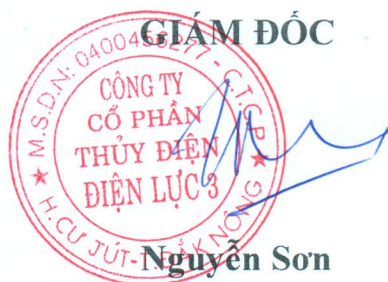
Loại thông tin công bố: 24h, 72h, Yêu cầu, Bất thường, Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

- Văn bản giải trình về chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

Số: 38 /2018/PC3.HP.Co-NV

“V/v: Giải trình chênh lệch BCTC do công ty lập và đơn vị kiểm toán lập kết thúc ngày 31/12/2017”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/06/2006 ;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc: “ Hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Thực hiện công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (Mã chứng khoán : DRL) giải trình chênh lệch trên BCTC năm 2017 do công ty lập và đơn vị kiểm toán lập cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2017(đã kiểm toán)	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
1	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	3,110,068,715	3,113,491,336	3,422,621

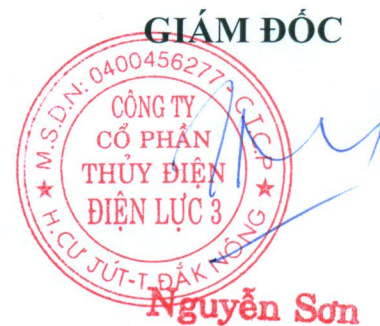
Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của cán bộ công nhân viên công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15/03/2017. Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017, công ty kiểm toán yêu cầu trích thêm Quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2017. Vì vậy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm một khoản tương ứng.

Trên đây là giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính năm 2017. Xin kính báo Quý cấp và cam kết nội dung giải trình là đúng sự thật.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Lưu: VT, NV.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô,
Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô,
Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Hồ Thăng Thu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc
Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô,
Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Số: 39/BCKT/2018-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/02/2018 từ trang 5 đến trang 28 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 02 năm 2017.



Trần Dương Nghĩa

Giám đốc

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Nguyễn Hà Trung

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2444-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.164.224.250	83.276.314.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	90.354.855.393	70.064.292.321
1. Tiền	111		330.529.759	31.975.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.024.325.634	70.032.316.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.005.152.918	12.417.761.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	9.827.665.108	12.024.338.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	2.948.396.121	54.464.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.696.950.090	806.817.376
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	804.215.939	794.260.246
1. Hàng tồn kho	141		804.215.939	794.260.246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.107.390.390	52.336.273.478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.920.039.038	50.375.958.485
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	46.867.272.909	50.296.192.356
Nguyên giá	222		151.919.138.648	151.082.430.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.051.865.739)	(100.786.238.583)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	52.766.129	79.766.129
Nguyên giá	228		121.000.000	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.233.871)	(41.233.871)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.187.351.352	1.960.314.993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.118.127.452	1.655.591.093
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		69.223.900	304.723.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.271.614.640	135.612.587.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.467.059.580	5.882.236.925
I. Nợ ngắn hạn	310		12.467.059.580	5.882.236.925
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	2.036.306.824	217.678.131
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	4.117.691.123	1.344.807.419
3. Phải trả người lao động	314		2.174.228.037	2.046.244.779
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	982.724.660	944.680.020
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	42.617.600	51.628.755
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.113.491.336	1.277.197.821
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.804.555.060	129.730.350.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	140.804.555.060	129.730.350.702
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.652.262.861	29.578.058.503
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		128.058.503	3.138.119
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.524.204.358	29.574.920.384
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.271.614.640	135.612.587.627



Nguyễn Sơn
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	100.518.577.803	63.973.017.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.518.577.803	63.973.017.608
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	29.394.963.870	25.235.850.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.123.613.933	38.737.166.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.264.741.853	2.381.193.758
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	6.647.093.785	4.570.091.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.741.262.001	36.548.268.672
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.741.262.001	36.548.268.672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	3.934.799.128	2.204.080.772
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		63.806.462.873	34.344.187.900
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	6.266	3.402
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.8	6.266	3.402



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	102.715.251.230	66.468.356.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(14.518.916.230)	(10.002.138.041)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.386.423.811)	(5.612.853.216)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.605.405.772)	(3.266.740.865)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.476.733.668	6.987.410.516
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.094.576.476)	(13.515.187.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.586.662.609	41.058.847.581
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(836.707.709)	(81.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	907.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.999.619.327	2.354.827.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.162.911.618	3.181.100.423
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.459.011.155)	(30.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.459.011.155)	(30.400.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	20.290.563.072	13.839.948.004
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	70.064.292.321	56.224.344.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	90.354.855.393	70.064.292.321



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ-SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 95.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Việt Nam	28.900.000.000	30,42	28.900.000.000	30,42
Các cổ đông khác		66.100.000.000	69,58	66.100.000.000	69,58
Cộng		95.000.000.000	100	95.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 33 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây lắp hệ thống điện:
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện. Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50	năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5	năm
▪ Tài sản cố định khác	8	năm

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí phải trả phí dịch vụ môi trường rừng được xác định bằng cách lấy sản lượng điện bán ra nhân với đơn giá phí dịch vụ môi trường rừng (36 đồng/kwh).

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:

+ Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện Đrây H'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi từ năm 2007 đến năm 2021.

+ Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011 – 2019).

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Thuế giá trị gia tăng:

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.

Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất

+ Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).

+ Theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTĐ ngày 23 tháng 07 năm 2009 thì Công ty đã ký hợp đồng thuê 220.352 m² đất với thời hạn 50 năm (từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054) tại Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông để xây dựng nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 13 năm từ năm 2004 đến năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.18. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi thanh toán, tiền gửi kỳ hạn 1 – 3 tháng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	27.276.852	4.554.368
Tiền gửi ngân hàng	303.252.907	27.421.521
Các khoản tương đương tiền	90.024.325.634	70.032.316.432
Cộng	90.354.855.393	70.064.292.321

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô,
Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - xem thêm mục 7	9.827.665.108	12.024.338.535
Cộng	9.827.665.108	12.024.338.535

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán:	247.732.652	54.464.072
Công ty TNHH XD & TM Điện năng	-	40.379.040
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	14.085.032	14.085.032
Công ty TNHH MTV Phát triển công nghệ môi trường Bách Khoa	195.126.720	-
Các đối tượng khác	38.520.900	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan - xem thêm mục 7	2.700.663.469	-
Cộng	2.948.396.121	54.464.072

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	548.153.811	-	283.031.285	-
Phải thu người lao động	190.626.347	-	47.927.690	-
Tạm ứng	8.000.000	-	8.000.000	-
Công ty CP ĐT & XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Phải thu khác	482.311.531	-	-	-
Cộng	1.696.950.090	467.858.401	806.817.376	467.858.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	467.858.401	-	467.858.401	-
Cộng	467.858.401	-	467.858.401	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ đã quá hạn 3 năm nhưng vẫn chưa thể thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP ĐT & XD Miền Trung	467.858.401	-	Trên 3 năm	467.858.401	-	Trên 3 năm
Cộng	467.858.401	-		467.858.401	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	804.215.939	-	794.260.246	-
Cộng	804.215.939	-	794.260.246	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	439.822.909	1.467.246.471	151.082.430.939
Mua sắm trong năm	-	-	-	836.707.709	-	836.707.709
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	1.276.530.618	1.467.246.471	151.919.138.648
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	16.839.327.409	81.893.604.107	724.083.958	209.829.438	1.119.393.671	100.786.238.583
Khấu hao trong năm	1.770.394.242	1.934.713.176	181.131.816	195.982.106	183.405.816	4.265.627.156
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	18.609.721.651	83.828.317.283	905.215.774	405.811.544	1.302.799.487	105.051.865.739
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	44.055.469.555	4.860.361.942	802.514.588	229.993.471	347.852.800	50.296.192.356
Tại ngày 31/12/2017	42.285.075.313	2.925.648.766	621.382.772	870.719.074	164.446.984	46.867.272.909

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 65.086.752.679 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2017	121.000.000	121.000.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2017	121.000.000	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2017	41.233.871	41.233.871
Khấu hao trong năm	27.000.000	27.000.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2017	68.233.871	68.233.871
Giá trị còn lại:	-	-
Tại ngày 01/01/2017	79.766.129	79.766.129
Tại ngày 31/12/2017	52.766.129	52.766.129

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 40.000.000 đồng.

4.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí sửa chữa trục roto	161.998.000	647.992.000
Chi phí đại tu tổ máy H1	251.899.773	1.007.599.093
Chi phí sửa chữa nhà vận hành	644.438.964	-
Chi phí trả trước khác	59.790.715	-
Cộng	1.118.127.452	1.655.591.093

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Cơ khí Tây Nguyên	518.585.253	518.585.253	16.200.000	16.200.000
Công ty TNHH Khánh Tài	668.183.659	668.183.659	-	-
Công ty TNHH NP ARCHITECT	76.425.085	76.425.085	-	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	463.747.000	463.747.000	-	-
Bảo Việt Đà Nẵng	89.150.273	89.150.273	89.150.273	89.150.273
Các đối tượng khác	220.215.554	220.215.554	112.327.858	112.327.858
Cộng	2.036.306.824	2.036.306.824	217.678.131	217.678.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	Trong năm		Tại ngày
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	611.497.040	10.051.857.781	9.946.366.386	506.005.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.733.474.128	3.934.799.128	1.605.405.772	404.080.772
Thuế thu nhập cá nhân	172.497.442	1.943.323.408	1.823.713.656	52.887.690
Thuế tài nguyên	600.222.513	7.849.857.927	7.631.468.726	381.833.312
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.117.691.123	23.782.838.244	21.009.954.540	1.344.807.419

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	982.724.660	944.680.020
Cộng	982.724.660	944.680.020

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả khác	42.617.600	51.628.755
- Quỹ tương trợ Công ty	10.894.655	10.894.655
- Vốn góp thừa	12.600.000	12.600.000
- Cổ tức cổ đông lẽ	19.122.945	28.134.100
Cộng	42.617.600	51.628.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.657.638.119	108.809.930.318
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	34.344.187.900	34.344.187.900
Chia cổ tức	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.023.767.516)	(2.023.767.516)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	29.578.058.503	129.730.350.702
Tăng vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	63.806.462.873	63.806.462.873
Chia cổ tức	-	-	-	(48.450.000.000)	(48.450.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.282.258.515)	(4.282.258.515)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	40.652.262.861	140.804.555.060

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15/03/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Các cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu năm	95.000.000.000	95.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.14.5. Cổ tức

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 34-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2016 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ tương ứng 19.000.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 03/01/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 19/01/2017.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15/03/2017 đã thông qua phương án chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 11%/vốn điều lệ, tương ứng 10.450.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 05/04/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 24/04/2017.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 07/08/2017 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ tương ứng 19.000.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 23/08/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 11/09/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm cho bên liên quan - Xem thêm mục 7	100.518.577.803	63.973.017.608
Cộng	<u>100.518.577.803</u>	<u>63.973.017.608</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	29.394.963.870	25.235.850.978
Cộng	<u>29.394.963.870</u>	<u>25.235.850.978</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.264.741.853	2.381.193.758
Cộng	<u>3.264.741.853</u>	<u>2.381.193.758</u>

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	440.342.201	247.248.709
Chi phí nhân viên quản lý	2.555.998.399	1.761.273.990
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký	636.000.000	368.000.000
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	301.296.391	191.440.911
Các khoản khác	2.713.456.794	2.002.128.106
Cộng	<u>6.647.093.785</u>	<u>4.570.091.716</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.621.588.095	450.233.280
Chi phí nhân công	10.893.271.265	6.790.650.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.292.627.156	9.971.375.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.275.230.755	5.720.906.505
Chi phí khác bằng tiền	13.960.665.384	6.872.777.103
Cộng	36.043.382.655	29.805.942.712

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.739.937.001	36.548.268.672
- Thu nhập từ hoạt động ưu đãi	64.475.195.148	34.157.074.915
- Thu nhập từ hoạt động không được ưu đãi	3.264.741.853	2.391.193.757
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.135.320.000	359.765.496
- Chi phí không hợp lệ	746.820.000	131.765.496
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	388.500.000	228.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	68.875.257.001	36.908.034.168
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi	65.610.515.148	34.516.840.411
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động không được ưu đãi	3.264.741.853	2.391.193.757
Thuế suất thuế TNDN		
- Hoạt động ưu đãi	5%	5%
- Hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.933.474.128	2.204.080.772
- Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động ưu đãi	3.280.525.757	1.725.842.021
- Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động không ưu đãi	652.948.371	478.238.751
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.934.799.128	2.204.080.772

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.933.474.128
- Truy thu thuế TNDN các năm trước điều chỉnh trong năm nay	1.325.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.806.462.873	34.344.187.900
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.282.258.515	2.023.767.516
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.524.204.358	32.320.420.384
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.266	3.402

5.8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.806.462.873	34.344.187.900
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.282.258.515	2.023.767.516
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	59.524.204.358	32.320.420.384
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.500.000	9.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.266	3.402

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung
HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.827.665.108	12.024.338.535
Cộng - Xem thêm mục 4.2	9.827.665.108	12.024.338.535
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.700.663.469	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	2.700.663.469	-

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	100.518.577.803	63.973.017.608
Cộng - Xem thêm mục 5.1	100.518.577.803	63.973.017.608

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, lương của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	456.000.000	276.000.000
Thù lao Ban Giám đốc	1.394.497.630	706.974.925
Thù lao Ban Kiểm soát	120.000.000	92.000.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- **Rủi ro thị trường:** Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất;
- + Rủi ro tiền tệ;
- + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chi trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.354.855.393	70.064.292.321
Phải thu khách hàng	9.827.665.108	12.024.338.535
Phải thu khác	1.030.465.342	330.958.975
Cộng	101.212.985.843	82.419.589.831
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.068.029.769	269.306.886
Chi phí phải trả	982.724.660	944.680.020
Cộng	3.050.754.429	1.213.986.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	3.050.754.429	3.050.754.429
Tại ngày 31/12/2017	<u>3.050.754.429</u>	<u>3.050.754.429</u>
	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.213.986.906	1.213.986.906
Tại ngày 01/01/2017	<u>1.213.986.906</u>	<u>1.213.986.906</u>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Sơn
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập biểu